

Số: 6196 / QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền
thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ II năm học 2022-2023
(Bổ sung lần 1)**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét hợp đồng thỉnh giảng ký kết giữa giảng viên thỉnh giảng và Học viện Nông nghiệp Việt Nam; theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ II năm học 2022-2023 (bổ sung lần 1) đối với các giảng viên thỉnh giảng theo danh sách đính kèm.

1. Số tiền thanh toán: **55.408.500** đồng, trong đó:

a) Số tiền giảng dạy đại học, cao đẳng: **55.408.500** đồng.

b) Số tiền giảng dạy sau đại học: **0** đồng.

2. Số tiền truy thu lại do chi thừa: **21.962.000** đồng.

Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu bốn trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các giảng viên thỉnh giảng có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC(10).



Nguyễn Thị Lan

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG (Bổ sung lần 1)**

(Kèm theo Quyết định số 6196 /QĐ-HVN ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Giảng dạy ĐH, CĐ		Giảng dạy SDH		Tổng số		Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Truy thu lại (đồng)	Ghi chú
				Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	MG394	Đào Thị Vân	Anh	134.9	9,443,000			134.9	9,443,000		9,443,000		
2	TG208	Hoàng Thị	Hiền	556.9	38,983,000			556.9	38,983,000		38,983,000		
3	TG319	Đặng Đình	Trình	93.1	6,982,500			93.1	6,982,500		6,982,500		
4	TG282	Đinh Thị Kim	Nhung							11,385,000		11,385,000	Kỳ hè 2021-2022; Truy thu lại do chi thừa
5	TG789	Phạm Thị	Loan							10,577,000		10,577,000	Kỳ hè 2021-2022; Truy thu lại do chi thừa
		Tổng cộng		784.9	55,408,500			784.9	55,408,500	21,962,000	55,408,500	21,962,000	

Tổng số tiền thanh toán: 55,408,500 đồng

Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu bốn trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng./.



BẢNG CHI TIẾT THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023

ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG (Bổ sung lần 1)

(Kèm theo Quyết định số **6196**/QĐ-HVN ngày **13** tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	30.00	70,000	2,100,000				30.00	2,100,000		2,100,000	
2	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	30.00	70,000	2,100,000				30.00	2,100,000		2,100,000	
3	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	30.00	70,000	2,100,000				30.00	2,100,000		2,100,000	
4	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	30.00	70,000	2,100,000				30.00	2,100,000		2,100,000	
5	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	GK	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	0.80	70,000	56,000				0.80	56,000		56,000	
6	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	GK	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	0.80	70,000	56,000				0.80	56,000		56,000	
7	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	GK	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	1.50	70,000	105,000				1.50	105,000		105,000	
8	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	GK	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	1.20	70,000	84,000				1.20	84,000		84,000	
9	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	CB	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	2.00	70,000	140,000				2.00	140,000		140,000	
10	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	CB	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	1.90	70,000	133,000				1.90	133,000		133,000	
11	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	CB	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	3.80	70,000	266,000				3.80	266,000		266,000	
12	MG394	Đào Thị Vân	Anh	GV và TD	51/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	CB	LOP NG	SN00011	Tiếng Anh 0	2.90	70,000	203,000				2.90	203,000		203,000	
13	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000				45.00	3,150,000		3,150,000	
14	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000				45.00	3,150,000		3,150,000	
15	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000				45.00	3,150,000		3,150,000	
16	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000				45.00	3,150,000		3,150,000	
17	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000				45.00	3,150,000		3,150,000	
18	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000				45.00	3,150,000		3,150,000	
19	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	46.50	70,000	3,255,000				46.50	3,255,000		3,255,000	
20	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000				45.00	3,150,000		3,150,000	
21	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000				45.00	3,150,000		3,150,000	
22	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	LT	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	45.00	70,000	3,150,000				45.00	3,150,000		3,150,000	
23	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000				3.00	210,000		210,000	
24	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐTGT-HVN-DL&NN	22/02/2023	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000				3.00	210,000		210,000	

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
25	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000				3.00	210,000		210,000	
26	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000				3.00	210,000		210,000	
27	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000				3.00	210,000		210,000	
28	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000				3.00	210,000		210,000	
29	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.10	70,000	217,000				3.10	217,000		217,000	
30	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000				3.00	210,000		210,000	
31	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000				3.00	210,000		210,000	
32	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	GK	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	3.00	70,000	210,000				3.00	210,000		210,000	
33	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000				7.50	525,000		525,000	
34	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000				7.50	525,000		525,000	
35	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000				7.50	525,000		525,000	
36	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000				7.50	525,000		525,000	
37	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000				7.50	525,000		525,000	
38	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000				7.50	525,000		525,000	
39	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.80	70,000	546,000				7.80	546,000		546,000	
40	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000				7.50	525,000		525,000	
41	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000				7.50	525,000		525,000	
42	TG208	Hoàng Thị	Hiền	GV và TD	48/HĐT-G-VN-DL&NN	22/02/2023	CB	T.ANH0	SN00011	Tiếng Anh 0	7.50	70,000	525,000				7.50	525,000		525,000	
43	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	91/HĐT-G-VN-CHKT	12/01/2023	LT	K66CKCTM	CD02115	Đồ án nguyên lý máy	15.00	75,000	1,125,000				15.00	1,125,000		1,125,000	
44	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	91/HĐT-G-VN-CHKT	12/01/2023	CB	K66CKCTM	CD02115	Đồ án nguyên lý máy	1.60	75,000	120,000				1.60	120,000		120,000	
45	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	91/HĐT-G-VN-CHKT	12/01/2023	LT	K66CNCDTA	CD02158	Nguyên lý – Chi tiết máy	30.00	75,000	2,250,000				30.00	2,250,000		2,250,000	
46	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	91/HĐT-G-VN-CHKT	12/01/2023	GK	K66CNCDTA	CD02158	Nguyên lý – Chi tiết máy	1.90	75,000	142,500				1.90	142,500		142,500	
47	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	91/HĐT-G-VN-CHKT	12/01/2023	CB	K66CNCDTA	CD02158	Nguyên lý – Chi tiết máy	4.80	75,000	360,000				4.80	360,000		360,000	
48	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	91/HĐT-G-VN-CHKT	12/01/2023	LT	K66CNCDTB	CD02158	Nguyên lý – Chi tiết máy	30.00	75,000	2,250,000				30.00	2,250,000		2,250,000	
49	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	91/HĐT-G-VN-CHKT	12/01/2023	GK	K66CNCDTB	CD02158	Nguyên lý – Chi tiết máy	2.80	75,000	210,000				2.80	210,000		210,000	
50	TG319	Đặng Đình	Trình	GVC và TD	91/HĐT-G-VN-CHKT	12/01/2023	CB	K66CNCDTB	CD02158	Nguyên lý – Chi tiết máy	7.00	75,000	525,000				7.00	525,000		525,000	
		Tổng cộng									784.90		55,408,500				784.90	55,408,500		55,408,500	

Tổng số tiền thanh toán: 55,408,500 đồng

Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu bốn trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng./.